

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST
Ngày: 14-6-2022
V/v “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Vinh
2. Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Lạng Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:
Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022
về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
59/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian
mở phiên tòa số 129/TB-TA ngày 03/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn 1, xã H,
huyện L, tỉnh B (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn
K, huyện L, tỉnh B (Có mặt)

Người làm chứng: Ông Hà Văn K, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn C, xã T,
huyện L, tỉnh B (Xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông
Hoàng Văn H trình bày:**

Tháng 3/2016, ông có cho ông Nguyễn Văn K vay 100.000.000 đồng, hai bên
có làm giấy (giấy biên nhận vay tiền do ông K viết), mục đích vay để đảo sổ ngân
hàng, không thoả thuận lãi suất và thời hạn vay (thoả thuận bên ngoài vay 01
tháng). Lý do cho ông K vay tiền: Ông có quan hệ bạn bè với ông Hà Văn K nên
khi ông K giới thiệu ông K vay tiền thì ông tin tưởng và đồng ý cho ông K vay.

Ông K là người chứng kiến toàn bộ sự việc vay tiền. Trong giấy vay tiền, ông K có ghi bảo lãnh cho ông K vay tiền nhưng thực chất ông K chỉ bảo lãnh bằng uy tín, viết và ký với tính chất chứng kiến chứ không phải chịu trách nhiệm trả thay cho ông K nếu ông K không trả tiền cho ông.

Vào năm 2017, năm 2020, ông đã yêu cầu ông K viết lại giấy nên giấy biên nhận vay tiền năm 2016 ông đã trả cho ông K. Nay ông K cung cấp cho Tòa án giấy biên nhận vay tiền có ghi “*để lại sổ đỏ bản gốc*” là do sau này ông K tự viết thêm chữ lúc ông cho vay, ông K không viết dòng chữ này, thực tế ông K cũng không để lại sổ đỏ.

Do ông K không trả tiền nên ngày 08/6/2017, ngày 20/8/2020 ông yêu cầu ông K viết lại giấy biên nhận vay tiền, lý do viết lại giấy vì ông sợ thời gian quá lâu sẽ ảnh hưởng đến việc khởi kiện. Trước khi viết giấy biên nhận vay tiền ngày 20/8/2020, ông K có nhờ 2 người mang tiền xuống trả cho ông được tổng số tiền là 20 triệu đồng.

Sự việc viết giấy biên nhận vay nợ ngày 20/8/2020, cụ thể như sau: Ngày hôm đó, ông và ông Hà Văn K có lên cửa hàng của ông K để yêu cầu ông viết lại giấy. Ông có bảo ông K là vay quá lâu rồi, khoản 20 triệu đồng đã đưa trước đó xem như là tiền lãi, còn nợ gốc 100.000.000đồng chưa trả được đồng nào. Hai bên thống nhất viết lại giấy và mang tính chất là chốt nợ, ông K viết lại giấy là vay 100.000.000đồng (chứ không có việc giao tiền). Việc ông K viết giấy, có ông K chứng kiến sự việc nên ông bảo ông K ký vào giấy với tính chất là người chứng kiến (chứ không phải là bảo lãnh cho khoản vay).

Ông K trình bày có 1 lần nhờ ông xe ôm trả 15 triệu đồng cho ông, người nhận tiền hộ ông là ông Hoàng Văn Hân (anh trai ông). Ông có về hỏi lại ông Hân thì ông Hân xác định năm 2017 có nhận hộ ông 15 triệu đồng do ông xe ôm mang xuống nhà và có viết giấy biên nhận nhưng sau này nhiều việc nên quên chưa đưa lại cho ông. Đến nay ông xác định đã được ông Hân đưa lại số tiền 15 triệu đồng, ông Hân không còn liên quan gì nữa. Đến ngày 01/9/2021, ông K có chuyển khoản trả ông được 05 triệu đồng. Ông xác định khoản 15 triệu đồng ông Hân mới đưa và khoản 05 triệu đồng ông K chuyển khoản là tiền ông K trả ông, ông đồng ý trừ 20 triệu này vào khoản vay 100 triệu đồng. Do đó, đến nay ông xác định ông K còn nợ ông 80 triệu đồng. Do hai bên không thỏa thuận tiền lãi nên ông cũng không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu ông K trả ông 80 triệu đồng còn nợ. Đề nghị Tòa án xem xét tính lãi sau ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

Việc vay nợ giữa ông và ông K, không liên quan gì đến vợ ông K nên ông yêu cầu Tòa án buộc ông K trả nợ cho ông.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông thừa nhận về việc vay tiền của ông H năm 2016, đúng như ông H trình bày về số tiền vay, việc viết giấy, mục đích vay, lãi suất, thời hạn và người làm chứng. Tuy nhiên, ông không thừa nhận về việc thỏa thuận bên ngoài về thời hạn vay 01 tháng như ông H trình bày; trong giấy vay không thỏa thuận lãi suất nhưng thực chất hai bên có thỏa thuận bên ngoài là vay 3.000đồng/01triệu/01 ngày (*có bản tự khai ông trình bày lãi 2.500đồng - bút lục số 21*). Ngoài ra, ông xác định

khi vay có để lại 01 sổ đỏ đất (thông tin sổ đỏ ông không nhớ, chỉ nhớ đất này ở Yên Thế, sau ông trả tiền cho ông H thì ông H đã trả lại ông sổ đỏ, ông đã chuyển nhượng đất này cho người khác). Nay ông H cho rằng không có việc ông để lại sổ đỏ thì đề nghị Toà án xem xét, làm rõ, lấy ý kiến của ông K vì ông K là người chứng kiến toàn bộ sự việc.

Sự việc thanh toán trả tiền cho ông H, ông xác định: Sau khi vay được 02 tháng thì ông H có lên nhà ông H 2 lần (mỗi tháng 1 lần), ông trả cho ông H mỗi lần 09 triệu đồng, tổng 02 lần là 18 triệu đồng (hai bên không viết giấy trả tiền, không ai chứng kiến); sau đó khoảng từ tháng 7/2016 đến tháng 6/2017, ông có nhờ 2 ông xe ôm là ông Tuyên, ông Hoạch mang tiền xuống trả cho ông H, tổng cộng mỗi người ông nhờ là 3 lần, tổng là 06 lần nhờ, từng lần gửi trả bao nhiêu thì ông không nhớ, chỉ nhớ tổng gửi qua 2 ông xe ôm trả là 108.000.000đồng, có 1 lần viết giấy nhận còn những lần khác cứ đưa tay xong là xong; ngoài ra có 1 lần ông chuyển khoản trả cho ông H 05 triệu đồng. Tổng cộng ông đã trả được cho ông H là 131 triệu đồng tiền lãi. Ông xác định chỉ còn nợ ông H 20 triệu tiền lãi (có lời khai ông trình bày - Bút lục số 41: Sau khi vay được 01 tháng thì ông trực tiếp trả cho ông H 15 triệu đồng; sau đó ông có nhờ 2 ông xe ôm là ông Tuyên, ông Hoạch mang tiền xuống trả 108.000.000đồng; 1 lần ông chuyển khoản trả cho ông H 05 triệu đồng. Tổng cộng ông đã trả được cho ông H là 128.000.000đồng. Ông xác định chỉ còn nợ ông H 25 triệu tiền lãi). Tiền gốc 100 triệu đồng ông đã trả cho ông H vào tháng 9/2017 và lấy sổ đỏ đất, khi trả tiền cho ông H hai bên không viết giấy, không ai làm chứng, ông chỉ nhớ lúc đó có viết 01 giấy vay tiền, phía cuối giấy có ghi “theo giấy vay nợ ngày 13/3/2016”, lý do viết giấy là vì tiền lãi chưa trả hết.

Ông đã được Toà án cho xem giấy biên nhận vay tiền năm 2017 do anh H giao nộp: Ông xác định giấy này đúng là do ông viết, đây là giấy viết lại năm 2016 theo yêu cầu của anh H chứ thực chất không phải ngày hôm đó ông vay tiền 100 triệu đồng, không có việc giao nhận tiền (cũng như giấy ghi ngày 20/8/2020).

Ngày 20/8/2020, ông H và ông K có lên cửa hàng của ông để yêu cầu ông viết giấy nhận nợ, chứ hai bên không được giao nhận tiền lúc đó. Ông H yêu cầu ông viết giấy nhận nợ 100.000.000 đồng, do ông vẫn nợ ông H tiền lãi nên ông viết. Trước đây ông trình bày bị ông H ép buộc viết là chưa chính xác, ông xin khai lại là ông H nhiều lần yêu cầu ông viết đi viết lại nên ông viết. Toàn bộ sự việc có ông Hà Văn K chứng kiến, ông nhờ ông K ký vào giấy để chứng kiến chứ không phải là bảo lãnh cho ông vay.

Nay anh H đòi ông tổng số tiền 100 triệu đồng trừ đi 05 triệu đồng (ông chuyển khoản ngày 01/9/2021) và 15 triệu đồng (ông nhờ người trả qua anh Hoàng Văn Hân – anh trai ông H), còn 80 triệu đồng. Quan điểm của ông là: Việc ông trả 05 triệu đồng qua chuyển khoản và 15 triệu đồng gửi qua anh Hân cho anh H là sự thật, ông nhất trí trừ số tiền này vào số tiền ông phải trả. Nhưng ông không đồng ý yêu cầu đòi 80 triệu đồng của anh H vì gần cuối năm 2017 ông đã trả gốc 100 triệu đồng cho anh H (không viết giấy, không ai chứng kiến), đến thời điểm 20/8/2020 chỉ còn nợ tiền lãi 25 triệu đồng, đến 01/9/2021 đã chuyển khoản trả 05 triệu đồng. Do vậy nay ông xác định chỉ còn nợ anh H 20 triệu đồng tiền lãi.

Việc vay nợ giữa ông và ông H vào năm 2016 là việc riêng của ông và ông H, vợ ông không biết, không liên quan đến khoản vay này nên đề nghị Tòa án không làm việc với vợ ông.

Người làm chứng ông Hà Văn K trình bày:

Về giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 14/3/2016, người vay tiền “Nguyễn Văn K”, mục người bảo lãnh có ghi “ông Hà Văn K bảo lãnh cho Nguyễn Văn K vay của anh H 100.000.000. Nếu anh K không trả đc ông hoàn toàn chịu trách nhiệm số tiền này” có ký và ghi “Hà Văn K”. Ông xác định bản thân có quan hệ bạn bè với ông K, ông H từ nhiều năm nay nên năm 2016 biết ông K có nhu cầu vay tiền để đảo sổ ngân hàng nên ông mới giới thiệu ông K vay tiền của ông H (ông biết ông K từ trước năm 2016). Ông xác định có viết nội dung như trên song thực chất chỉ mang tính chất là chứng kiến việc vay nợ giữa ông K và ông H, do tin tưởng ông K nên ông chỉ bảo lãnh bằng uy tín của mình để ông H tin mà cho ông K vay tiền. Trường hợp ông K không trả tiền ông H thì là việc riêng của 2 ông chứ không liên quan tới ông, ông H khởi kiện đòi ông K tiền là đúng, ông chỉ có trách nhiệm làm chứng.

Sự việc ông K vay tiền ông H và viết giấy năm 2016, ông được chứng kiến như sau: Ông chỉ nhớ vào tháng 3/2016 (không nhớ ngày cụ thể), ông có đưa ông K đến nhà ông H vay tiền, do tin tưởng ông giới thiệu nên ông H đồng ý cho vay tiền. Ông K viết giấy, ông H giao tiền (100 triệu đồng), giấy Tòa cho ông xem đúng là giấy ông K viết hôm đó. Về sự việc thỏa thuận lãi suất thì trong giấy không ghi, các bên có thỏa thuận lãi bên ngoài không thì ông không rõ. Trong giấy có ghi “để lại sổ đỏ bản gốc” là không đúng vì lúc đó ông K không để lại sổ đỏ, ông nhớ là trong giấy cũng không ghi để lại sổ đỏ hay tài sản gì, nay trong giấy có ghi “để lại sổ đỏ bản gốc” là do sau này ông K tự viết thêm vào.

Về giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 20/8/2020 có nội dung ông K vay 100.000.000 đồng của ông H, trong giấy có chữ viết, ký mục người bảo lãnh “Hà Văn K”. Ông xác định chữ ký và viết ở mục người bảo lãnh trong giấy biên nhận vay tiền đúng là của ông. Song thực chất ông ký vào giấy chỉ mang tính chất là chứng kiến việc ông K viết giấy, cả ông K và ông H bảo ông ký vào thì ông ký chứ ông không bảo lãnh cho ông K vay tiền.

Sự việc ông K viết giấy vay tiền ngày 20/8/2020 ông được chứng kiến như sau: Buổi sáng ngày 20/8/2020, ông và ông H có lên cửa hàng nhà ông K ở tổ dân phố Sậm, thị trấn Kép. Tại đây ông thấy ông H và ông K có trao đổi chuyện gì đó nhưng ông không đứng gần nên không biết là chuyện gì. Sau đó ông thấy ông K viết giấy biên nhận vay tiền, viết xong cả ông K và ông H bảo ông ký vào để chứng kiến nên ông đồng ý ký. Còn việc ông K trình bày bị ép buộc hay các bên có giao nhận tiền không thì ông không được chứng kiến.

Toàn bộ sự việc ông chỉ biết như vậy, ông cam đoan lời trình bày của ông là trung thực, nếu sai ông hoàn toàn chịu trách nhiệm. Ông từ chối đối chất với ông K, ông H; đề nghị Tòa án lấy lời khai của ông K, ông H làm rõ sự việc để có cơ sở giải quyết vụ án.

Do công việc của ông rất bận nên đề nghị Toà án không báo ông đến làm việc nữa. Ông xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải, xét xử tại Toà án.

Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy cần thiết để có cơ sở giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật; Toà án nhân dân huyện Lạng Giang đã thu thập tài liệu, chứng cứ là:

Lấy lời khai của các đương sự, người làm chứng để làm rõ các tình tiết của vụ án.

Do lời khai của nguyên đơn, bị đơn có mâu thuẫn nên ngày 22/4/2022 Toà án đã tiến hành đối chất giữa các đương sự.

Xác minh đối với anh Thân Văn Hoạch, ông Nguyễn Văn Tuyên, ông Hoàng Văn Hân làm rõ sự việc ông Nguyễn Văn K trình bày có từng nhờ anh Hoạch, ông Tuyên mang tiền trả cho ông H, có lần người nhận tiền là ông Hân (anh trai ông H).

Ngày 11/5/2022, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, kết quả các đương sự giữ nguyên ý kiến, không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn ông Hoàng Văn H trình bày: Giữ nguyên ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Đã trả cho ông H số tiền gốc 100 triệu đồng vào ngày 08/9/2017 và trả lãi được tổng số 138 triệu đồng, đến nay chỉ còn nợ ông H 20 triệu đồng tiền lãi; giữ nguyên lời trình bày về các vấn đề khác như trong quá trình giải quyết vụ án; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác xuất trình chứng minh cho lời trình bày.

Người làm chứng ông Hà Văn K: Đã được Toà án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà (có ý kiến xin vắng mặt).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 229, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H. Buộc ông Nguyễn Văn K phải trả cho ông Hoàng Văn H số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Hoàng Văn H số tiền nộp tạm ứng án phí đã nộp.

Quyền kháng cáo: Tuyên theo quy định pháp luật.

- Về yêu cầu kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Hoàng Văn H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn K phải trả số tiền đã vay. Tranh chấp giữa ông H và ông K là tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp huyện nơi bị đơn cư trú giải quyết là đúng theo quy định pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông H khởi kiện đòi tiền cho vay theo giấy biên nhận vay nợ. Căn cứ **Điều 463 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26** Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3]. Về sự vắng mặt tại phiên tòa của người làm chứng: Ông Hà Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, ông K có ý kiến xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Yêu cầu của đương sự

[4]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn H xác định tháng 3/2016 có cho bị đơn Nguyễn Văn K vay số tiền 100 triệu đồng; đến ngày 08/6/2017, ngày 20/8/2020 hai bên viết lại giấy vay; trước khi viết giấy vay ngày 20/8/2020, ông xác định bị đơn có gửi trả tổng số tiền 20 triệu đồng, do thời gian lâu nên hai bên thống nhất đó là tiền lãi, còn tiền gốc chưa trả được nên thống nhất viết lại giấy vay nợ. Nguyên đơn đã xuất trình tài liệu chứng minh là 02 Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 08/6/2017 và ngày 20/8/2020. Bị đơn xác định có sự việc vay tiền vào tháng 3/2016 và viết lại giấy như nguyên đơn trình bày nhưng cho rằng đã trả lãi được tổng số tiền hơn 100 triệu đồng và đã trả tiền gốc 100 triệu đồng, đến ngày 08/6/2017 và ngày 20/8/2020 do còn nợ tiền lãi 25 triệu đồng nên đồng ý viết giấy. Song bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền gốc, cũng như số tiền lãi như đã trình bày, bản thân bị đơn khai khi trả tiền các bên không làm giấy và không người chứng kiến. Lời trình bày của ông H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ là các giấy biên nhận vay tiền nên có căn cứ xác định đến thời điểm viết lại giấy ngày 20/8/2020, ông K chưa trả cho ông H số

tiền gốc 100 triệu đồng đã vay và số tiền trả 20 triệu đồng được xem là tiền lãi (như ông H khai), đây là thoả thuận tự nguyện giữa ông H và ông K. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đòi số tiền đã cho ông K vay vào tháng 3/2016, sau đó được chốt nợ, viết lại giấy vào ngày 08/6/2017 và ngày 20/8/2020.

Ông H xác định ngày 01/9/2021 ông K chuyển khoản trả 05 triệu đồng và nhận số tiền 15 triệu đồng từ anh trai Hoàng Văn Hân do trước đây ông K chuyển trả ông Hân nhận hộ nên ông H đề nghị trừ số tiền 20 triệu đồng này cho ông K; ông K xác nhận đã trả số tiền 20 triệu đồng như ông H trình bày và đồng ý trừ vào tiền phải trả cho ông H. Nay ông H yêu cầu ông K phải trả số tiền 80 triệu đồng (sau đi trừ đi số tiền 20 triệu đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông K phải trả ông H số tiền 80 triệu đồng.

Về yêu cầu tính lãi sau ngày xét xử theo quy định của pháp luật: Ông H cho ông K vay tiền không thoả thuận lãi suất, ông K phải chịu lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5]. Đối với việc bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Năm 2016 khi vay số tiền 100 triệu đồng của ông H thì ông có để lại sổ đỏ, hai bên có thoả thuận lãi 3000đồng/1 triệu/1 ngày; ông đã trả lãi cho ông H được tổng số tiền hơn 100 triệu đồng; đồng thời đã trả gốc 100 triệu đồng vào ngày 08/9/2017 và lấy lại sổ đỏ. HĐXX thấy rằng: Trong giấy biên nhận vay tiền không ghi thoả thuận lãi, ông H và người làm chứng ông K đều xác định không thoả thuận lãi, bản thân ông K ban đầu khai lãi là 2.500 đồng nhưng sau thay đổi là 3.000 đồng/1triệu/1ngày; về việc ông K khai đã trả 100 triệu đồng tiền gốc và lấy sổ đỏ ra vì khi vay có để lại sổ đỏ bản gốc, song ông K xác định khi trả tiền không làm giấy, không người chứng kiến, thông tin sổ đỏ không xác định được, ông H và ông K đều xác định không có việc để lại sổ đỏ như ông K khai; về việc thanh toán tiền lãi hơn 100 triệu đồng (*bút lục số 41 ông xác định trả được 128 triệu đồng, bút lục số 55, 70 ông xác định trả được 131 triệu đồng, tại phiên toà ông xác định trả được 138 triệu đồng*), ông K xác định chỉ có 1 lần trả 15 triệu đồng có làm giấy, còn những lần khác không làm giấy, không người chứng kiến, Toà án tiến hành làm việc với ông Tuyên và ông Hoạch thì các ông đều xác định không nhớ được đã chuyển trả tiền hộ ông K cho ông H chính xác bao nhiêu tiền, bản thân ông K không diễn giải được số tiền lãi tính như thế nào; giả sử tính lãi 3.000 đồng/1triệu/1ngày, tổng số lãi do ông K xác định phải trả là 138 triệu đồng + 20 triệu đồng = 158 triệu đồng thì số tiền lãi tính từ lúc vay 14/3/2016 đến ngày 08/9/2017 (đây là thời điểm ông K khai trả tiền gốc) thì tiền lãi cũng không phải là 158 triệu đồng. Xét thấy ông K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình; lời trình bày của ông K không phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó việc ông K cho rằng đến nay chỉ còn nợ ông H 20 triệu đồng tiền lãi là không có căn cứ.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí theo dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 229, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H. Buộc ông Nguyễn Văn K phải trả cho ông Hoàng Văn H số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 4.000.000đ (bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hoàng Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Hoàng Văn H số tiền nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012649 ngày 17/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- THADS huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Mai Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Mai Lan